

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 10-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung

Bà Hoàng Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng và ông Đặng Cao Cường -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/HSST-QĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 24-10-1962 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Vũ Thị K (đã chết); có chồng là Hoàng Văn N và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 20-6-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nông Ngọc K, sinh ngày 16-11-1981 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 14, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H và bà Đỗ Thị T; có vợ là Dương Phương L và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên, Bí thư Chi bộ 4 thuộc Đảng bộ cơ sở C, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử

phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 09-6-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Phạm Nhật T, sinh ngày 16-8-1979 tại huyện V, tỉnh Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú: Phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Đường T, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 02, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bắc G và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 2 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00017 QĐ/XPVPHC ngày 29-3-2012 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo bị xử phạt 1.500.000đồng về hành vi Đánh bạc (đã được xóa); chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Duy T, sinh ngày 16-01-1983 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 28, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Tạ Thị D; có vợ là Hà Thị H và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 3 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00018 QĐ/XPVPHC ngày 29-3-2012 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo bị xử phạt 1.500.000đồng về hành vi Đánh bạc (đã được xóa); chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Hoàng Văn N, sinh ngày 18-8-1986 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 18, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị N; có vợ là Lộc Thị L và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

6. Bé Trần H, sinh ngày 07-8-1984 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 03, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Trần H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Hà Thị M và 03 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên, Phó Bí thư Chi bộ 3 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

7. Lê Văn A, sinh ngày 05-8-1984 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 15, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lưu Thị I; có vợ là Đinh Thị T và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 4 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

8. Hứa Hiền L, sinh ngày 25-11-1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 17, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn L và bà Nông Thị H; có vợ Lương Thị T và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 4 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 19-4-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

9. Chu Tiến K, sinh ngày 18-5-1978 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 24, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Tiến M và bà Phương Kim D; có vợ là Hoàng Thị T và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 5 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

10. Hà Văn L, sinh ngày 01-9-1984 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 35, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Chu Thị D; có vợ là Hoàng Thị T1 và 02 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 3 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

11. Thi Xuân H, sinh ngày 05-5-1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 21, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thi Văn H và bà Đặng Thị Đ; có vợ là Lý Thu H và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 27-3-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

12. Chu Minh H, sinh ngày 17-4-1980 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 8, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Q và bà Bế Thị B; có chồng là Ong Xuân Đ và 01 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ 5 thuộc Đảng bộ cơ sở C, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 19-4-2023 đến ngày 09-6-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

13. Trần Thị H, sinh ngày 29-8-1975 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã , huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 63, Chi nhánh xăng dầu Bắc Giang, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị H; có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 24-5-2023 đến ngày 20-6-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

14. Đặng Văn T, sinh ngày 07-3-1980 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 4, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu H (đã chết) và bà Đinh Thị T (đã chết); có vợ là Lưu Thị N và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

15. Hoàng Văn Q, sinh ngày 23-7-1987 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 18, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị Y (đã chết); có vợ là Hoàng Thu H và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

16. Đỗ Thị H, sinh ngày 03-9-1984 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 03, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị C; có chồng là Vi Văn T và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

17. Hầu Quang T, sinh ngày 10-10-1986 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Phụ trách Cửa hàng xăng dầu số 35, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu Văn H và bà Phạm Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; hiện tại ngoại; có mặt.

18. Nông Đức T, sinh ngày 11-01-1993 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 16, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị H; có vợ là Hoàng Thị H2 và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 19-4-2023 đến ngày 26-5-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

19. Hoàng Trọng H, sinh ngày 04-11-1993 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 21, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn, Công ty xăng dầu Hà Bắc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K (đã chết) và bà Đặng Thị N; có vợ là Tô Thanh T và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

20. Pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 15-8-2021, bị Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số: 668/QĐ-CCTKV về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế với tổng số tiền 47.709.282đồng. Ngoài ra, ngày 04-6-2020, bị Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số: 655/QĐ-CCTKV về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế với tổng số tiền 36.008.091đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Giám đốc công ty; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Ông Nguyễn Ngọc T, Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 22-9-2023); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trịnh Xuân K. Địa chỉ: Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh C. Địa chỉ: Tổ P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3. Ông Trần Văn S. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

4. Ông Ngô Văn T. Địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Ông Bùi Quang H. Địa chỉ: Tổ dân phố K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

6. Ông Triệu Văn T. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Hà Huyền L. Địa chỉ: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Lành Quốc H. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Lương Thị C. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Lương Thị L. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Ông Đặng Thanh B. Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Trần Thu H. Địa chỉ: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
13. Ông Triệu Văn C. Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
14. Bà Chu Thị Minh H. Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
15. Bà Hoàng Thị Kim T. Địa chỉ: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
16. Ông Trần Văn H. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
17. Bà Vũ Thị T. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
18. Ông Ngô Văn Đ. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
19. Ông Vi Ngọc D. Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
20. Ông Đặng Văn C. Địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
21. Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: Đường T, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
22. Ông Hoàng Thanh T. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.
23. Bà Hoàng Thị L. Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
24. Ông Đặng Mạnh H. Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
25. Ông Đỗ Hồng H. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (gọi tắt là Công ty T) được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, mã số doanh nghiệp: 2400544022, đăng ký lần đầu ngày 29-3-2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29-5-2020; có trụ sở tại Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do Nguyễn Thị H làm Giám đốc và trực tiếp quản lý chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. Nguyễn Thị H thuê Vũ Thị T (từ tháng 5-2017 đến tháng 4-2022) và thuê Trần Văn H (từ ngày 01-5-2022 trở lại đây) làm

kế toán kê khai thuế. Công ty T kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Khoảng cuối năm 2021, do có nhu cầu mua hóa đơn không để tăng chi phí đầu vào phục vụ kê khai, khấu trừ thuế cho Công ty T, nên Nguyễn Thị H đặt vấn đề với Trần Thị H là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 63, Chi nhánh xăng dầu Bắc Giang, Công ty xăng dầu Hà Bắc nhờ tìm cửa hàng xăng dầu nào có hóa đơn bán dầu không thì liên hệ xuất cho Công ty T, Trần Thị H đồng ý.

Sau đó trong một lần tham gia họp tại Công ty xăng dầu Hà Bắc, Trần Thị H gặp và đề nghị Nông Ngọc K là Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 14 Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn xem có cửa hàng xăng dầu nào có hóa đơn dầu dư (dầu xuất cho khách vắng lai nhưng không lấy hóa đơn) thì xuất cho Công ty T, Nông Ngọc K đồng ý. Do trước đó, Nông Ngọc K được một số Trưởng Cửa hàng xăng dầu thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn cho biết là cửa hàng của họ có lượng xăng dầu bán cho khách vắng lai nhưng không lấy hóa đơn và bảo Nông Ngọc K nếu có đơn vị nào cần lấy hóa đơn xuất xăng dầu thì thông tin lại. Trần Thị H và Nông Ngọc K thống nhất giá mua bán hóa đơn không là 500đồng/lít, Nông Ngọc K sẽ bồi dưỡng cho Trần Thị H 30đồng/lít. Trần Thị H thông báo cho Nguyễn Thị H biết giá bán hóa đơn không là 500đồng/lít, Nguyễn Thị H đồng ý và cung cấp thông tin, mã số thuế của Công ty T. Trần Thị H chuyển thông tin cho Nông Ngọc K để phục vụ việc xuất hóa đơn dầu không. Trần Thị H và Nông Ngọc K thống nhất việc giao nhận hóa đơn không và tiền sẽ để vào phong bì dán kín lại, gửi thông qua người quen của Trần Thị H là Ngô Văn Đ là lái xe chở xăng dầu của Công ty xăng dầu H, nhưng không cho Ngô Văn Đ biết bên trong phong bì có hóa đơn không và tiền bán hóa đơn không.

Sau đó, Nông Ngọc K liên hệ, thống nhất với một số Trưởng Cửa hàng xăng dầu khác thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn xuất hóa đơn bán dầu không cho Công ty T với giá 450đồng/lít dầu ghi trên hóa đơn, gồm: Bế Trần H, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 03; Nguyễn Duy T, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 28; Thi Xuân H, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 21; Phạm Nhật T, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 11; Hà Văn L, Trưởng Cửa hàng Xăng dầu số 27 và số 35; Lê Văn A, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 15; Chu Tiên K, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 24; Hoàng Văn N, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 18; Hứa Hiền L, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 17; Nông Đức T, Trưởng Cửa hàng xăng dầu số 16; đồng thời Nông Ngọc K gửi thông tin Công ty T cho những người này; Hứa Hiền L, Nông Đức T không được Nông Ngọc K nói sẽ trả tiền vì có quan hệ họ hàng, các Trưởng Cửa hàng trên đều đồng ý.

Sau đó, các Trưởng Cửa hàng trên thực hiện việc xuất hóa đơn bán dầu không cho Công ty T rồi gửi cho Nông Ngọc K bằng cách đưa trực tiếp hoặc để trong phong bì dán kín gửi thông qua xe khách (không nhớ thông tin các nhà xe), hoặc cung cấp cho tài khoản EGAS của cửa hàng để Nông Ngọc K tự in hóa đơn; Nông Ngọc K ghi chép lại trên điện thoại số lượng hóa đơn, số lượng dầu để làm căn cứ trả tiền cho các Trưởng Cửa hàng. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, Nông Ngọc K đã xóa toàn bộ nội dung ghi chép trong điện thoại.

Sau khi có hóa đơn đầu xuất không, Nông Ngọc K cho hóa đơn vào phong bì, dán kín lại rồi gửi cho Ngô Văn Đ chuyển cho Trần Thị H hoặc gửi cho Trần Thị H mã hóa đơn để tự in, đồng thời thông báo tổng số lượng dầu ghi trên hóa đơn cho Trần Thị H. Nhận được hóa đơn xuất không, Trần Thị H trực tiếp đưa hóa đơn cho Nguyễn Thị H và nhận tiền 500đồng/lít dầu ghi trên hóa đơn. Sau đó, Trần Thị H gửi tiền mua hóa đơn để trong phong bì cho Ngô Văn Đ để mang lên Lạng Sơn cho Nông Ngọc K theo mức 470đồng/lít dầu ghi trên hóa đơn. Sau khi nhận được tiền, Nông Ngọc K chỉ trả cho các Trưởng Cửa hàng xăng dầu theo mức 450đồng/lít.

Trong năm 2022, các Trưởng Cửa hàng xăng dầu thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn đã xuất hóa đơn không để bán cho Công ty T với số lượng như sau:

1. Bé Trần H: Tại Cửa hàng xăng dầu số 03 Bé Trần H đã yêu cầu 02 nhân viên cửa hàng là **Hầu Quang T, Đỗ Thị H** căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để xuất hóa đơn bán dầu không cho Công ty T trong ca làm việc của họ. Bé Trần H không trả công cho Hầu Quang T, Đỗ Thị H nhưng vì Bé Trần H là Trưởng Cửa hàng yêu cầu nên Hầu Quang T, Đỗ Thị H đồng ý. Hàng ngày, Hầu Quang T, Đỗ Thị H giao ca thực tế vào khoảng 14 giờ, còn thời gian giao ca trên ứng dụng EGAS là vào 24 giờ nên trong ca làm việc từ 14 giờ đến 24 giờ, Đỗ Thị H sẽ sử dụng tài khoản EGAS của Hầu Quang T, còn Hầu Quang T sử dụng tài khoản EGAS của Đỗ Thị H từ 14 giờ đến 24 giờ ngày hôm sau. Trong năm 2022, Hầu Quang T đã sử dụng tài khoản EGAS của Đỗ Thị H xuất **77** hóa đơn không cho Công ty T trong ca làm việc của Hầu Quang T và Đỗ Thị H đã sử dụng tài khoản EGAS của Hầu Quang T xuất **78** hóa đơn không cho Công ty T trong ca làm việc của Đỗ Thị H. Ngoài ra, Bé Trần H còn sử dụng tài khoản EGAS của Hầu Quang T, Đỗ Thị H trực tiếp xuất **36** hóa đơn không cho Công ty T. Tổng cộng, **Bé Trần H** đã xuất không **191** hóa đơn, tổng số 99260,28 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.435.295.230đồng, trong đó Bé Trần H đã chuyển cho Nông Ngọc K **189** hóa đơn, tổng cộng 98545,96 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.418.387.160đồng (có **02** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

2. Nguyễn Duy T: Tại Cửa hàng xăng dầu số 28 Nguyễn Duy T yêu cầu nhân viên là **Đặng Văn T** căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để xuất hóa đơn không cho Công ty T trong ca làm việc của Đặng Văn T; mặc dù không được trả tiền công, nhưng vì Nguyễn Duy T là Trưởng Cửa hàng nên Đặng Văn T đồng ý. Trong năm 2022, Đặng Văn T đã sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **61** hóa đơn không cho Công ty T. Ngoài ra, Nguyễn Duy T còn trực tiếp sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **43** hóa đơn không cho Công ty T. Tổng cộng, Nguyễn Duy T đã xuất không **104** hóa đơn, tổng số 45.734,52 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.107.318.466đồng, trong đó Nguyễn Duy T đã chuyển cho Nông Ngọc K **101** hóa đơn, tổng số 44.340,35 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.0743.18.466đồng (có **03** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

3. Thi Xuân H: Tại Cửa hàng xăng dầu số 21 Thi Xuân H yêu cầu nhân viên là **Hoàng Trọng H** căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để xuất hóa đơn khống cho Công ty T trong ca làm việc của Hoàng Trọng H; mặc dù không được trả tiền công, nhưng vì Thi Xuân H là Trưởng Cửa hàng nên Hoàng Trọng H đồng ý. Trong năm 2022, Hoàng Trọng H đã sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **17** hóa đơn khống cho Công ty T. Ngoài ra, Thi Xuân H còn trực tiếp sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **100** hóa đơn khống cho Công ty T. Tổng cộng, Thi Xuân H đã xuất và chuyển cho Nông Ngọc K **117** hóa đơn tổng số 23.998,93 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 593.515.770đồng.

4. Phạm Nhật T: Tại Cửa hàng xăng dầu số 11 Phạm Nhật T đã căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để sử dụng tài khoản EGAS của nhân viên là Nguyễn Mạnh C xuất khống **61** hóa đơn và sử dụng tài khoản EGAS của nhân viên Trần Văn S để xuất **68** hóa đơn khống cho Công ty T. Tuy nhiên, Phạm Nhật T không cho Nguyễn Mạnh C, Trần Văn S biết Phạm Nhật T sử dụng tài khoản của họ để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng, Phạm Nhật T đã xuất khống và chuyển cho Nông Ngọc K **129** hóa đơn, tổng số 19.185,88 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 470.360.022đồng.

5. Hà Văn L: Tại Cửa hàng xăng dầu số 35, Hà Văn L đã căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn rồi sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất khống **116** hóa đơn, tổng số 45.620,5 lít dầu ghi trong hóa đơn với số tiền là 1.131.836.539đồng. Tại Cửa hàng xăng dầu số 27, Hà Văn L đã căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất khống **206** hóa đơn, tổng số 98.394,34 lít dầu với số tiền là 2.389.444.329đồng. Sau đó, Hà Văn L đã chuyển cho Nông Ngọc K **113** hóa đơn của Cửa hàng xăng dầu số 35, tổng số 44.272,15 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.099.921.095đồng (có **03** hóa đơn đã xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 chưa chuyển cho Nông Ngọc K) và chuyển cho Nông Ngọc K **201** hóa đơn của Cửa hàng xăng dầu số 27, tổng số 95.795,2 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.327.922.685đồng (có **05** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

6. Lê Văn A: Tại Cửa hàng xăng dầu số 15 Lê Văn A căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không xuất hóa đơn rồi sử dụng tài khoản EGAS của nhân viên là Ngô Văn T, Bùi Quang H, Triệu Văn T xuất khống hóa đơn cho Công ty T, nhưng Lê Văn A không cho Ngô Văn T, Bùi Quang H, Triệu Văn T biết việc Lê Văn A sử dụng tài khoản của họ để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng, Lê Văn A đã xuất khống **224** hóa đơn cho Công ty T, tổng số 73.221,06 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.819.600.625đồng, trong đó đã chuyển cho Nông Ngọc K **217** hóa đơn, tổng số 69.715,06 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.734.609.825đồng (có **07** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

7. Chu Tiến K: Tại Cửa hàng xăng dầu số 24 Chu Tiến K căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không xuất hóa đơn rồi sử dụng tài khoản EGAS

của nhân viên là Hà Huyền L, Lành Quốc H để xuất khống hóa đơn cho Công ty T, nhưng Chu Tiến K không cho hai người này biết việc Chu Tiến K sử dụng tài khoản của họ để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng, Chu Tiến K đã xuất khống **209** hóa đơn, tổng số 91.849 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.255.304.310đồng, trong đó đã chuyển cho Nông Ngọc K **205** hóa đơn, tổng số 90.234 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.217.077.260đồng (có **04** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

8. Hoàng Văn N: Tại Cửa hàng xăng dầu số 18 Hoàng Văn N yêu cầu nhân viên là **Hoàng Văn Q** căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn để xuất hóa đơn khống cho Công ty T trong ca làm việc của Hoàng Văn Q; mặc dù không được trả tiền công, nhưng vì Hoàng Văn N là Trưởng Cửa hàng nên Hoàng Văn Q đồng ý. Trong năm 2022, Hoàng Văn Q đã sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **89** hóa đơn khống cho Công ty T. Ngoài ra, Hoàng Văn N còn trực tiếp sử dụng tài khoản EGAS của mình xuất **37** hóa đơn khống cho Công ty T. Tổng cộng, Hoàng Văn N đã xuất khống **126** hóa đơn, tổng số 16.157,59 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 399.232.000đồng, đã chuyển cho Nông Ngọc K **120** hóa đơn, tổng số 14.726,35 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 368.354.600đồng (có **06** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

9. Hứa Hiền L: Tại Cửa hàng xăng dầu số 17 Hứa Hiền L căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn rồi sử dụng tài khoản EGAS của nhân viên là Lương Thị C, Lương Thị L để xuất khống hóa đơn cho Công ty T, nhưng Hứa Hiền L không cho hai người này biết việc Hứa Hiền L sử dụng tài khoản của họ để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng, Hứa Hiền L đã xuất khống **204** hóa đơn, tổng số 62.544 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.630.785.850đồng, đã chuyển cho Nông Ngọc K **182** hóa đơn, tổng số 57.887 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.520.554.660đồng (có **22** hóa đơn ghi xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nông Ngọc K).

10. Nông Đức T: Tại Cửa hàng xăng dầu số 16 Nông Đức T căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn, rồi sử dụng tài khoản EGAS của nhân viên là Đặng Thanh B để xuất **20** hóa đơn khống, nhưng Nông Đức T không cho Đặng Thanh B biết việc Nông Đức T sử dụng tài khoản của Đặng Thanh B để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng, Nông Đức T đã xuất khống và chuyển cho Nông Ngọc K **20** hóa đơn, tổng số 4.654,64 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 111.921.130đồng.

11. Nông Ngọc K: Tại Cửa hàng xăng dầu số 14, Nông Ngọc K căn cứ vào lượng dầu bán ra cho khách mà không lấy hóa đơn rồi sử dụng các tài khoản EGAS của nhân viên là Hoàng Thị Kim T, Chu Thị Minh H để xuất khống hóa đơn cho Công ty T, nhưng Nông Ngọc K không cho hai người này biết việc Nông Ngọc K sử dụng tài khoản của họ để xuất khống hóa đơn. Tổng cộng Nông Ngọc K đã trực tiếp xuất khống **165** hóa đơn, tổng số lượng dầu là 90.313,6 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.298.190.931đồng. Nông Ngọc K đã chuyển cho Trần

Thị H **160** hóa đơn, tổng số lượng dầu là 87.245,92 lít dầu với số tiền ghi trên hóa đơn là 2.224.460.398đồng (có **05** hóa đơn đã xuất cho Công ty T vào tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Trần Thị H).

Trong năm 2022, Nông Ngọc K và các Trưởng Cửa hàng xăng dầu đã xuất không cho Công ty T **1811** hóa đơn, số lượng 670.934 lít dầu, trị giá là 16.172.445.180đồng. Tổng cộng Nông Ngọc K đã chuyển cho Trần Thị H **1754** hóa đơn với 650.601,44 lít dầu, giá trị 16.158.403.071đồng (có **57** hóa đơn của tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển). Sau khi chuyển hóa đơn không cho Trần Thị H, Nông Ngọc K đã nhận được tiền từ Trần Thị H nhiều lần với tổng số tiền 310.000.000đồng, Nông Ngọc K đã trả tiền cho các Trưởng Cửa hàng xăng dầu 226.000.000đồng, hưởng lợi 84.000.000đồng, cụ thể: Trả cho Bế Trần H 45.000.000đồng, trả cho Nguyễn Duy T 20.000.000đồng, trả cho Thi Xuân H 10.000.000đồng, trả cho Phạm Nhật T 9.000.000đồng, trả cho Hà Văn L 64.000.000đồng, trả cho Lê Văn A 32.000.000đồng, trả cho Chu Tiến K 40.000.000đồng, trả cho Hoàng Văn N 6.000.000đồng.

12. Chu Minh H: Tại Cửa hàng xăng dầu số 19 Chu Minh H là Trưởng Cửa hàng, Chu Minh H có cho Trần Thị H biết nếu có công ty nào cần lấy hóa đơn không thì bảo Chu Minh H, giá bán là 500đồng/lít dầu ghi trên hóa đơn, Trần Thị H đề nghị Chu Minh H xuất hóa đơn cho Công ty T, Chu Minh H đồng ý. Sau đó, Chu Minh H ghi hóa đơn không rồi cho vào phong bì và chuyển cho Trần Thị H qua xe khách (không rõ biển số, thông tin người lái xe). Tiền mua hóa đơn sau khi được Nguyễn Thị H trả thì Trần Thị H cho tiền vào phong bì và chuyển cho Chu Minh H qua xe khách (không rõ biển số, thông tin người lái xe). Trong năm 2022, Chu Minh H căn cứ lượng dầu bán ra cho khách nhưng không lấy hóa đơn, rồi sử dụng các tài khoản EGAS của nhân viên cửa hàng là Trần Thu H, Triệu Văn C để xuất không hóa đơn cho Công ty T, nhưng Chu Minh H không cho hai người này biết việc Chu Minh H sử dụng tài khoản của họ để xuất không hóa đơn. Tổng cộng Chu Minh H đã xuất không **231** hóa đơn, với tổng số lượng dầu là 41.944,5 lít, tương ứng tổng số tiền là 1.025.452.202đồng. Do chưa chuyển hóa đơn tháng 12-2022, nên xác định Chu Minh H chuyển **226** hóa đơn cho Trần Thị H, với tổng số lượng dầu trên hóa đơn là 412.27,5 lít dầu, tương ứng tổng số tiền là 1.008.237.812đồng. Sau khi được Nguyễn Thị H trả tiền, Trần Thị H đã chuyển cho Chu Minh H nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Thị H còn nhờ một người đàn ông lái xe (không rõ họ tên, địa chỉ) mua hóa đơn tại các Cửa hàng xăng dầu thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn và trả người này 300đồng/lít dầu ghi trong hóa đơn, người này đã chuyển cho Nguyễn Thị H tổng cộng **05** hóa đơn với tổng số lượng dầu ghi trong hóa đơn là 2.872,81 lít, thể hiện mua dầu của Cửa hàng xăng dầu số 13 Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn do Trịnh Xuân K làm Trưởng Cửa hàng.

Như vậy, trong năm 2022, Nguyễn Thị H đã mua của Trần Thị H tổng cộng $1754 + 226 = \mathbf{1980}$ hóa đơn không, tổng số lượng là 691.828,94 lít dầu và mua của Cửa hàng xăng dầu số 13 của Trịnh Xuân K là **05** hóa đơn. Trong tổng số **1985** hóa đơn không nhận được, Nguyễn Thị H đã đưa cho Vũ Thị T, Trần

Văn H để kê khai thuế. Sau đó, Vũ Thị T, Trần Văn H đã sử dụng **1931** hóa đơn hạch toán và kê khai thuế cho Công ty T gửi Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang vào các kỳ kê khai thuế từ tháng 01-2022 đến tháng 11-2022, làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nhằm mục đích trốn thuế GTGT, qua đó trốn thuế GTGT với số tiền là **1.542.157.899đồng**.

Đối với Pháp nhân Công ty T: Bị cáo Nguyễn Thị H đã sử dụng **1931** hóa đơn bất hợp pháp giao cho hai kế toán thuế là Vũ Thị T, Trần Văn H kê khai **1937**(có 06 hóa đơn hạch toán 02 lần) lượt hóa đơn để hạch toán và kê khai thuế cho Công ty T vào các kỳ kê khai thuế từ tháng 01-2022 đến tháng 11-2022 làm tăng số thuế GTGT đầu vào để khấu trừ nhằm mục đích trốn thuế GTGT, qua đó trốn thuế GTGT với số tiền là **1.542.157.899đồng**. Quá trình điều tra xác định Công ty T chưa thực hiện kê khai điều chỉnh, chưa khắc phục hậu quả do hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế; toàn bộ số tiền trốn thuế đã được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty T.

Tại Bản kết luận giám định số: 03/2023 ngày 17-7-2023 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang xác định: Số thuế GTGT Công ty T đã sử dụng 1.686 số hóa đơn không hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế là 1.302.818.324đồng là hành vi trốn thuế. Không đủ cơ sở xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty T phải nộp khi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế do không đủ hồ sơ, sổ sách kế toán.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung số: 03BS/2023 ngày 14-9-2023 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang xác định: Số thuế GTGT Công ty T đã sử dụng **1.937** số hóa đơn không hợp pháp để kê khai khấu trừ **1.542.157.899đồng**, là hành vi trốn thuế. Không đủ cơ sở xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty T phải nộp khi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để tính chi phí sản xuất kinh doanh do không đủ hồ sơ, sổ sách kế toán.

Tại Cáo trạng số: 128/CT-VKSLS-P1 ngày 21-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố pháp nhân thương mại Công ty T về tội Trốn thuế theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nông Ngọc K, Trần Thị H, Bế Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Chu Minh H, Hứa Hiền L, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nông Đức T, Hoàng Trọng H về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Tất cả 19 bị cáo và pháp nhân thương mại Công ty T đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K, Chu Minh H, Bế Trần H, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy T, Nông Đức T đề nghị được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính bởi có điều kiện thi hành

án; các bị cáo còn lại đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, tiếp tục được đi làm. Bị cáo Phạm Nhật T đề nghị được trả lại cho vợ bị cáo chiếc điện thoại OPPO; bị cáo Nguyễn Duy T đề nghị được trả lại chiếc điện thoại IPHONE; bị cáo Chu Tiến K đề nghị được trả lại chiếc điện thoại IPHONE; bị cáo Trần Thị H đề nghị được trả lại chiếc điện thoại IPHONE do không có liên quan đến tội phạm. Bị cáo Nông Đức T, Hứa Hiền L đề nghị được trả lại căn cước công dân. Còn các tài sản khác các bị cáo xác định có liên quan đến hành vi phạm tội và không có yêu cầu gì. Công ty T đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để được hưởng mức hình phạt phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thanh T trình bày: Ông là con của bị cáo Nguyễn Thị H, trong năm 2015, 2016 ông được Nguyễn Thị H bổ nhiệm làm Phó giám đốc Công ty T. Tuy nhiên, từ khi được bổ nhiệm đến nay ông không có vai trò, chức năng, nhiệm vụ gì liên quan đến hoạt động của Công ty T. Ông không biết gì về hành vi phạm tội trong năm 2022 của Công ty T và của Nguyễn Thị H.

Người đại diện của Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang mặc dù vắng mặt nhưng đã có văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu Công ty T nộp lại số tiền 1.542.157.899đồng đã trốn thuế vào ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị N tuy vắng mặt nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Bà là vợ của bị cáo Phạm Nhật T, bà không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với điện thoại OPPO màu trắng xám là của bà, không liên quan đến hành vi phạm tội nên bà đề nghị được trả lại chiếc điện thoại này.

Những người tham gia tố tụng khác tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện đúng như nội dung đã tóm tắt ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố pháp nhân thương mại Công ty T, bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Trốn thuế; các bị cáo Nông Ngọc K, Trần Thị H, Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Chu Minh H, Hứa Hiền L, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T, Nông Đức T, Hoàng Trọng H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 200, điểm b, đ khoản 1, khoản 2 Điều 84, Điều 77, Điều 83 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt pháp nhân thương mại Công ty T từ 3.000.000.000đồng đến 3.500.000.000đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 400.000.000đồng đến 450.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Ngọc K từ 380.000.000đồng đến 420.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Minh H từ 280.000.000đồng đến 300.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bế Trần H từ 260.000.000đồng đến 300.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Nhật T từ 250.000.000đồng đến 280.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 250.000.000đồng đến 280.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Đức T từ 50.000.000đồng đến 80.000.000đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo Hoàng Văn N, Thi Xuân H mỗi bị cáo từ 15 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hứa Hiền L từ 15 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo Lê Văn A, Chu Tiến K mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn L từ 21 tháng đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 tháng đến 54 tháng;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hầu Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Trọng H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Căn cứ khoản 4 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt bổ sung các bị cáo Hoàng Văn N, Lê Văn A, Hứa Hiền L, Chu Tiến K, Hà Văn L, Thi Xuân H mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy thu đối với Công ty T số tiền trốn thuế là 1.542.157.899đồng. Xác nhận Công ty T đã nộp số tiền 850.000.000đồng, sau khi khấu trừ Công ty T còn phải nộp tiếp số tiền 692.157.899đồng. Truy thu toàn bộ số tiền các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy T, Hoàng Văn N, Bé Trần H, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hà Văn L, Thi Xuân H, Chu Minh H đã hưởng lợi trong tội Mua bán trái phép hóa đơn; thực hiện khấu trừ số tiền các bị cáo đã nộp.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại giấy tờ tùy thân cho các bị cáo; trả lại cho vợ bị cáo Phạm Nhật T 01 điện thoại, bị cáo Nguyễn Duy T 01 điện thoại, bị cáo Chu Tiến K 01 điện thoại; đối với các điện thoại còn lại tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về mức hình phạt, về biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Tất cả 19 bị cáo đều trình bày: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân và rất hối hận về hành vi đã gây ra, mong được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Pháp nhân thương mại đề nghị xem xét mức hình phạt của pháp nhân thương mại ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập lần thứ 3, tuy có người tham gia tố tụng khác vắng mặt nhưng có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty T, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tất cả 19 bị cáo và pháp nhân thương mại tại phiên tòa đều khai báo đầy đủ các nội dung, tình tiết của vụ án liên quan đến bản thân, của bị cáo khác đúng như những nội dung, những tình tiết thể hiện tại bản Cáo trạng. Xét thấy, lời khai của các bị cáo, của pháp nhân thương mại phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo, của pháp nhân thương mại tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với biên bản khám xét, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, của pháp nhân thương mại đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Các chứng cứ, tài liệu này được thu thập đúng trình tự, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

[4] Trong năm 2022, pháp nhân thương mại Công ty T và bị cáo Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi trốn thuế với tổng số tiền là 1.542.157.899 đồng. Các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K, Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Chu Minh H, Hứa Hiền L, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T, Nông Đức T, Hoàng Trọng H đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể: Nông Ngọc K đã chuyển 1.754 hóa đơn khống cho bị cáo Trần Thị H, bao gồm các hóa đơn của bị cáo Nông Ngọc K bán 160 hóa đơn, Bé Trần H bán 189 hóa đơn, Nguyễn Duy T bán 101 hóa đơn, Thi Xuân H bán 117 hóa đơn, Phạm Nhật T bán 129 hóa đơn, Hà Văn L bán 314 hóa đơn, Lê Văn A bán 217 hóa đơn, Chu Tiến K bán 205 hóa đơn, Hoàng Văn N bán 120 hóa đơn, Hứa Hiền L bán 182 hóa đơn, Nông Đức T bán 20 hóa đơn. Bị cáo Chu Minh H là người trực tiếp liên hệ bán hóa đơn khống cho Trần Thị H với số lượng là 226 hóa đơn. Bị cáo Trần Thị H đã nhận, sau đó chuyển cho Nguyễn Thị H tổng cộng 1.980 hóa đơn. Các bị cáo Hoàng Trọng H, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T là người giúp sức, cụ thể: Hoàng Trọng H xuất 17 hóa đơn giúp sức cho Thi Xuân H; Đặng Văn T xuất 61 hóa đơn giúp sức cho Nguyễn Duy T; Hoàng Văn Q xuất 89 hóa đơn giúp sức cho Hoàng Văn N; Đỗ Thị H xuất 78 hóa đơn, Hầu Quang T xuất 77 hóa đơn giúp sức cho Bé Trần H.

[5] Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo và pháp nhân thương mại Công ty T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận pháp nhân thương mại Công ty T trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phạm tội Trốn thuế theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200

của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Nông Ngọc K, Trần Thị H, Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Chu Minh H, Hứa Hiền L, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Nông Đức T, Hoàng Trọng H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Đây là vụ án Mua bán trái phép hóa đơn, Trốn thuế diễn ra trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang. Hành vi của các bị cáo và pháp nhân thương mại Công ty T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ và chế độ quản lý thuế của Nhà nước, làm giảm thu ngân sách Nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế, chính sách thuế và gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Quá trình thực hiện, các bị cáo và pháp nhân thương mại Công ty T đều nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kinh tế nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Đối với tội Trốn thuế: Ngoài việc truy tố pháp nhân thương mại Công ty T thấy rằng bị cáo Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bản thân bị cáo là người điều hành và quyết định mọi hoạt động của Công ty T và là người trực tiếp chỉ đạo nhân viên thực hiện hành vi trốn thuế. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự của cá nhân về hành vi phạm tội Trốn thuế.

[8] Đối với tội Mua bán trái phép hóa đơn thấy rằng: Hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức, câu kết rõ ràng. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[9] Bị cáo Trần Thị H là người khởi xướng và là người trực tiếp thu gom hóa đơn khống từ Nông Ngọc K và Chu Minh H. Do đó, bị cáo Trần Thị H giữ vai trò cao nhất. Đối với bị cáo Nông Ngọc K là đầu mối nhận và chuyển các hóa đơn khống cho bị cáo Trần Thị H, là người rủ rê, lôi kéo và trực tiếp nhận tiền, chi trả công cho 10 Trưởng Cửa hàng xăng dầu nên bị cáo có vai trò thứ 2. Đối với bị cáo Chu Minh H là đồng phạm, trực tiếp xuất khống hóa đơn tại cửa hàng bị cáo làm việc cho Trần Thị H nên bị cáo cũng giữ vai trò sau Trần Thị H. Đối với các bị cáo Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Hứa Hiền L, Nông Đức T, đều là Trưởng các Cửa hàng xăng dầu, là những người thực hành, giúp sức cho Nông Ngọc K, trực tiếp xuất hóa đơn khống theo yêu cầu của Nông Ngọc K để hưởng lợi hoặc vì quan hệ họ hàng. Do đó, các bị cáo này có vai trò sau Nông Ngọc K, giữ vai trò thứ 3. Đối với các bị cáo Đỗ Thị H, Hầu Quang T, Đặng Văn T,

Hoàng Trọng H, Hoàng Văn Q là đồng phạm giúp sức cho các bị cáo là Trưởng Cửa hàng xăng dầu trong việc xuất hóa đơn khống, thực hiện theo sự chỉ đạo, không được hưởng lợi nên xác định các bị cáo này giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

[10] Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00017 và số 00018 QĐ/XPVPHC ngày 29-3-2012 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Phạm Nhật T, Nguyễn Duy T bị xử phạt mỗi người 1.500.000đồng về hành vi Đánh bạc (đã được xóa). Tuy nhiên, điều đó thể hiện các bị cáo Phạm Nhật T, Nguyễn Duy T là người có nhân thân không tốt. Đối với Công ty T trong quá trình hoạt động, ngày 04-6-2020 bị Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số: 655/QĐ-CCTKV về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế với tổng số tiền 36.008.091đồng; trong đó: Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 29.639.216đồng, phạt vi phạm pháp luật về thuế số tiền 5.927.843đồng, tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 441.032đồng; ngày 15-8-2021, bị Chi cục Thuế khu vực L, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số: 668/QĐ-CCTKV về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế với tổng số tiền 47.709.282đồng; trong đó: Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 33.933.862đồng, phạt vi phạm pháp luật về thuế số tiền 13.286.772đồng, tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 488.648đồng. Tính đến thời điểm phạm tội Công ty T đã thực hiện xong nhưng xác định việc xử phạt năm 2021 là tiền sự đối với Công ty T. Các bị cáo còn lại là người có nhân thân tốt.

[11] Các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K thực hiện hành vi mua bán trái phép từ 10 số hóa đơn trở lên nhiều lần. Do đó, các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo còn lại và pháp nhân thương mại Công ty T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[12] Tất cả 19 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự 19 bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[13] Đối với các bị cáo Nông Đức T, Hoàng Trọng H trong vụ án này phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự 02 bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[14] Đối với các bị cáo Đỗ Thị H, Hầu Quang T, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q trong vụ án phạm tội lần đầu. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 4, mục 1 Giải đáp số 01/2017/GĐ-TATC ngày 07-4-2017 hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không hưởng lợi...trong vụ án có đồng phạm. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo như phân tích ở trên thì 04 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do

đó, 04 bị cáo có đủ căn cứ để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[15] Theo khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp quy định: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do tổ chức hoặc một cá nhân là chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Trong vụ án này khởi tố pháp nhân thương mại Công ty T về hành vi trốn thuế với tổng số tiền là 1.542.157.899đồng. Công ty T đã ủng hộ công đức với số tiền 15.000.000đồng; đại diện hợp pháp của Công ty T đã tự nguyện nộp số tiền khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế là 850.000.000đồng; ngày 17-4-2023 Hội nữ doanh nhân tỉnh Bắc Giang có thư cảm ơn Công ty T trong những năm qua đã tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội như Tết vì người nghèo, Phòng chống dịch Covid-19, Đại hội nữ doanh nhân tỉnh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Công ty T được hưởng theo quy định tại điểm b, đ khoản 1, khoản 2 Điều 84 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[16] Do đã khởi tố pháp nhân thương mại Công ty T, số tiền trốn thuế đã được đưa vào hoạt động của Công ty nên bị cáo Nguyễn Thị H có vai trò thấp hơn. Bị cáo được Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tặng Bằng khen năm 2020; được Hội nữ doanh nhân tỉnh Bắc Giang tặng thưởng nhiều Giấy khen năm 2018, 2019, 2021; bị cáo đã ủng hộ tháng cao điểm Vì người nghèo năm 2023 với số tiền 15.000.000đồng; bố của bị cáo ông Nguyễn Văn S được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; bị cáo tự nguyện nộp số tiền khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế là 850.000.000đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[17] Bị cáo Trần Thị H thông qua việc mua bán 1980 hóa đơn khống với các bị cáo Chu Minh H và Nông Ngọc K, đã được hưởng lợi 20.000.000đồng; ông nội của bị cáo ông Trần Văn T là Liệt sĩ, hiện nay gia đình bố đẻ của bị cáo đang thờ cúng; bố của bị cáo ông Trần Văn C và mẹ của bị cáo bà Đỗ Thị H đã tham gia Dân công hỏa tuyến; bị cáo tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Hội chất độc da cam, Quỹ vì người nghèo, ủng hộ Tết nhân ái Giáp Thìn tổng số tiền 2.000.000đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[18] Bị cáo Nông Ngọc K đã liên hệ với 10 bị cáo khác xuất khống 1.754 hóa đơn cho Trần Thị H, hưởng lợi số tiền 84.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2004, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2020, 2021, 2022, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; được Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen năm 2018; được Tập đoàn xăng dầu tặng Giấy khen năm 2022; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 84.000.000đồng; đã ủng hộ 03 loại Quỹ trẻ em nghèo, Quỹ mái ấm tình thương và Quỹ đồng hành cùng phụ nữ biên cương với tổng số

tiền là 2.000.000đồng; bố của bị cáo ông Nông Văn H được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến và được Kho bạc Nhà nước tỉnh tặng Giấy khen năm 2000; vợ của bị cáo bà Dương Phương L được Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh tặng Giấy khen các năm 2014, năm 2020; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[19] Bị cáo Phạm Nhật T đã xuất bán không 129 hóa đơn thông qua Nông Ngọc K, hưởng lợi 9.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2003, bị cáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào các năm 2017, 2018, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen năm 2010; được Giám đốc Công an tỉnh tặng Giấy khen năm 2011; được Công đoàn Công ty xăng dầu Hà Bắc tặng Giấy khen vào năm 2014, 2016; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 9.000.000đồng và đã ủng hộ công đức trong các năm 2019, 2022, 2023 với tổng số tiền 850.000đồng; bố bị cáo được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[20] Bị cáo Nguyễn Duy T đã xuất bán không 101 hóa đơn thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 20.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2008 đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ phụ nữ khuyết tật, ủng hộ Mô hình đỡ đầu trẻ em mồ côi, ủng hộ các cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, Hội chất độc màu da cam, Quỹ vì người nghèo với tổng số tiền 4.000.000đồng; bố của bị cáo ông Nguyễn Văn N được tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[21] Bị cáo Hoàng Văn N đã xuất bán không 126 hóa đơn, trong đó bị cáo chỉ đạo Hoàng Văn Q xuất không 89 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 6.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2014, bị cáo đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ nông thôn mới, Quỹ khuyến học, khuyến tài tổng số tiền 500.000đồng; ông ngoại của bị cáo ông Hoàng Văn T1 được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; mẹ của bị cáo bà Hoàng Thị N được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[22] Bị cáo Bế Trần H đã xuất bán không 189 hóa đơn, trong đó bị cáo chỉ đạo bị cáo Hầu Quang T xuất không 77 hóa đơn, bị cáo Đỗ Thị H xuất không 78 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 45.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2005, bị cáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2020, 2021, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; được Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tặng Bằng khen năm 2021; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 45.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống thiên tai, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ xây dựng đền thờ Chi Lăng tổng số tiền 1.200.000đồng; ông ngoại của bị cáo ông Nguyễn Văn Đ được tặng thưởng nhiều Huân chương Kháng chiến; ông nội của bị cáo ông Bế Trần P được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[23] Bị cáo Lê Văn A đã xuất bán 217 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 32.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2009, bị cáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2022, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; được Công đoàn Công ty xăng dầu Hà Bắc tặng Giấy khen năm 2013; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 32.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ người cao tuổi với tổng số tiền 1.000.000đồng; vợ bị cáo bà Đinh Thị T được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen năm 2018; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[24] Bị cáo Hứa Hiền L do có mối quan hệ họ hàng với Nông Ngọc K nên đã giúp đỡ xuất bán không 182 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2013, bị cáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2019, 2020, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo đã ủng hộ Quỹ khuyến học, Quỹ vì người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em với tổng số tiền là 1.500.000đồng, ông nội của bị cáo ông Hứa Hải L được tặng Huân chương Kháng chiến, Kỷ niệm chương vì Giai cấp nông dân Việt Nam, Giấy khen các năm 1962, 1964 và các Huy hiệu 40, 50, 55 năm tuổi Đảng; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[25] Bị cáo Chu Tiến K đã xuất bán không 205 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 40.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2002, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2018, 2020, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo được Đảng bộ Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn tặng thưởng Giấy khen năm 2020; bị cáo đã tự

nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 40.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ người cao tuổi, Quỹ đền ơn đáp nghĩa với tổng số tiền 1.000.000đồng; bố của bị cáo ông Chu Tiến M, mẹ của bị cáo bà Phương Kim D và bố vợ của bị cáo ông Hoàng Thanh L đều được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; bố vợ của bị cáo ông Hoàng Thanh L còn được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; anh trai của bị cáo ông Chu Quốc K được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[26] Bị cáo Hà Văn L đã xuất bán không 314 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 64.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2015, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2021, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 64.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ phòng chống thiên tai, Quỹ xây dựng Đền thờ Chi Lăng, Quỹ người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa với tổng số tiền 2.000.000đồng; bố của bị cáo ông Hà Văn T được tặng thưởng nhiều Huân chương Chiến sĩ vẻ vang; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[27] Bị cáo Thi Xuân H đã xuất bán không 117 hóa đơn, trong đó chỉ đạo bị cáo Hoàng Trọng H xuất 17 hóa đơn, thông qua Nông Ngọc K hưởng lợi 10.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2014, bị cáo đạt danh hiệu Lao động tiên tiến từ năm 2018 đến năm 2022; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ người cao tuổi, Quỹ đền ơn đáp nghĩa với tổng số tiền 1.500.000đồng; mẹ vợ của bị cáo bà Đặng Thị C được Liên đoàn lao động tỉnh tặng danh hiệu 03 năm Giỏi việc nước, đảm việc nhà vào năm 2013; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[28] Bị cáo Chu Minh H đã xuất bán không 226 hóa đơn, thông qua Trần Thị H hưởng lợi 20.000.000đồng. Trong quá trình công tác từ năm 2002, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào năm 2017, 2018, ngoài ra các năm còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000đồng; bị cáo đã ủng hộ Quỹ nôi cháo tình thương, Quỹ mái ấm, vì người nghèo với tổng số tiền là 1.400.000đồng; bị cáo có ông nội là Liệt sĩ Chu Văn H và có 02 cậu là Liệt sĩ Bé Văn T, Bé Văn T1; bà ngoại của bị cáo bà Nông Thị A là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bố của bị cáo ông Chu Văn Q được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; mẹ của bị cáo bà Bé Thị B được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; bố chồng của bị cáo ông Ong Xuân P được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; ngày 20-12-2023, Chi

nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[29] Bị cáo Đặng Văn T đã tham gia cùng bị cáo Nguyễn Duy T xuất bán không 61 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2008 đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm; bố của bị cáo ông Đặng Hữu H được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; ông nội của bị cáo ông Đặng Cao H được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến và Huy chương Kháng chiến; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[30] Bị cáo Hoàng Văn Q đã tham gia cùng bị cáo Hoàng Văn N xuất bán không 89 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2014 bị cáo đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm; cậu của bị cáo là Liệt sĩ Hoàng Văn L; bị cáo đã ủng hộ Quỹ tết nhân ái, Quỹ nhân đạo, ủng hộ phong trào tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam với tổng số tiền là 700.000đồng; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[31] Bị cáo Đỗ Thị H đã tham gia cùng bị cáo Bé Trần H xuất bán không 78 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2008 bị cáo đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Xây nhà đại đoàn kết với tổng số tiền 1.000.000đồng; mẹ của bị cáo bà Nguyễn Thị C được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; bố của bị cáo ông Đỗ Thanh B được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[32] Bị cáo Hầu Quang T đã tham gia cùng bị cáo Bé Trần H xuất bán không 77 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2014, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2022, ngoài ra các năm còn lại đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Xây dựng đường kiểm tra cột mốc biên giới, Xây nhà đại đoàn kết với tổng số tiền 900.000đồng; ông ngoại của bị cáo ông Phạm Hữu S và bà ngoại của bị cáo bà Nguyễn Thị T đều được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; ông nội của bị cáo ông Hầu Văn T được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[33] Bị cáo Nông Đức T do có mối quan hệ họ hàng với bị cáo Nông Ngọc K nên bị cáo đã giúp đỡ xuất bán không 20 hóa đơn, không được hưởng

lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2015, bị cáo đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở vào các năm 2019, 2020, 2021, 2022; được Tập đoàn xăng dầu tặng Giấy khen năm 2019; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ trẻ em nghèo với tổng số tiền là 1.000.000đồng; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[34] Bị cáo Hoàng Trọng H đã tham gia cùng bị cáo Thi Xuân H xuất bán không 17 hóa đơn, không được hưởng lợi. Trong quá trình công tác từ năm 2021 đã đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; bị cáo đã ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Bảo trợ trẻ em, Chữ thập đỏ, ủng hộ Hội nạn nhân chất độc màu da cam với tổng số tiền là 800.000đồng; ngày 20-12-2023, Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[35] Từ những phân tích đánh giá nêu trên thấy rằng, hành vi phạm tội của Công ty T và bị cáo Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế; số tiền Công ty T trốn thuế mới qua mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố; người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã tích cực nộp lại hơn 1/2 số tiền trốn thuế; Công ty T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, đ khoản 1, khoản 2 Điều 84 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, năm 2020, 2021 Công ty T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Nên mức hình phạt tiền khởi điểm của khung hình phạt áp dụng đối với Công ty T là có căn cứ.

[36] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên có đủ căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Nhận thấy, bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét thấy, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, có điều kiện tiếp tục chữa bệnh, tiếp tục kinh doanh để khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế còn lại, tiền phạt của Công ty T và cá nhân bị cáo.

[37] Đối với 07 bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K, Chu Minh H, Bế Trần H, Phạm Nhật T, Nông Đức T, Nguyễn Duy T đều là Trưởng Cửa hàng xăng dầu hoặc là nhân viên Cửa hàng xăng dầu. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đều đã nộp các tài liệu thể hiện có đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền cũng như đảm bảo cho việc thi hành án. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 07 bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

[38] Đối với 10 bị cáo Thi Xuân H, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Hứa Hiền L, Hầu Quang T, Đỗ Thị H, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q mặc dù các bị cáo có số lượng hóa đơn xuất khổng lồ và mức độ hưởng lợi khác nhau nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, các bị cáo đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình công tác các bị cáo đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Nhận thấy, các bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét thấy, không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[39] Bị cáo Hoàng Trọng H thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của Thi Xuân H, không được hưởng lợi, xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có vai trò thứ yếu. Bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Mặc dù bị cáo có việc làm nhưng mức thu nhập không cao nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[40] Tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Do đó, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

[41] Tại khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm

đến 05 năm. Xét thấy: Đối với 07 bị cáo có khả năng về tài chính đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với các bị cáo còn lại đều có việc làm, có thu nhập, có người có tài sản nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[42] Đối với Trịnh Xuân K: Năm 2022, Trịnh Xuân K được một người đàn ông lái xe (không rõ họ tên, địa chỉ) đến Cửa hàng xăng dầu số 13 đổ dầu và nhờ xuất hóa đơn không cho Công ty T. Sau đó, Trịnh Xuân K căn cứ vào lượng dầu đã bán ra cho khách mà không xuất hóa đơn tại Cửa hàng để xuất 05 hoá đơn bán dầu cho Công ty T và giao cho người đàn ông lái xe, mục đích chỉ để giữ khách hàng, Trịnh Xuân K không được hưởng lợi từ việc xuất không hóa đơn. Hành vi của Trịnh Xuân K chưa đến mức xử lý hình sự theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên đã vi phạm các quy định tại Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Ngày 07-8-2023 Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số: 892/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính về hóa đơn đối với Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn số tiền 38.500.000đồng, việc nộp phạt đã được thực hiện vào ngày 11-8-2023. Ngoài ra, Trịnh Xuân K đã bồi hoàn toàn bộ số tiền phạt 38.500.000đồng và chịu hình thức xử lý kỷ luật về Đảng, chính quyền theo quy định.

[43] Đối với người đàn ông lái xe mua 05 hóa đơn bán dầu không từ Trịnh Xuân K do Trịnh Xuân K và Nguyễn Thị H đều khai không rõ thông tin của người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

[44] Đối với Ngô Văn Đ là lái xe Công ty xăng dầu H được Trần Thị H nhờ mang phong bì chứa hóa đơn bán dầu không từ Nông Ngọc K về cho Trần Thị H và nhận phong bì chứa tiền từ Trần Thị H giao cho Nông Ngọc K: Quá trình điều tra xác định Ngô Văn Đ không được Trần Thị H, Nông Ngọc K cho biết trong phong bì có hóa đơn không và tiền bán hóa đơn. Do đó, không có căn cứ xác định Ngô Văn Đ liên quan trong vụ án.

[45] Đối với Đỗ Hồng H: Trong giai đoạn điều tra ban đầu, Nguyễn Thị H khai thông qua Đỗ Hồng H để mua hóa đơn bán dầu không từ các Cửa hàng xăng dầu ở Lạng Sơn mang về cho Nguyễn Thị H; Nông Ngọc K khai thông qua Đỗ Hồng H được Nguyễn Thị H đặt vấn đề mua bán hóa đơn và đã nhiều lần chuyển hóa đơn bán dầu không cho Nguyễn Thị H thông qua Đỗ Hồng H; Đỗ Hồng H cũng khai nhận được nhiều lần nhận hóa đơn bán dầu để trong phong bì dán kín từ Nông Ngọc K mang về cho Nguyễn Thị H và chuyển tiền để trong phong bì dán kín từ Nguyễn Thị H mang cho Nông Ngọc K. Quá trình điều tra tiếp theo, cả ba người đã thay đổi lời khai, xác định việc mua bán hóa đơn giữa Nông Ngọc K và Nguyễn Thị H thông qua Trần Thị H chứ không phải thông qua Đỗ Hồng H. Bản thân Đỗ Hồng H có quan hệ họ hàng và cũng đang nợ tiền của Nguyễn Thị H nên đã khai báo như trên. Đỗ Hồng H nhận thức được việc làm của bản thân là không đúng nên sau đó đã thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc, giúp cơ quan điều tra làm rõ bản chất vụ án, vai trò của các đối tượng. Do vậy, không có căn cứ xác định Đỗ Hồng H liên quan trong vụ án.

[46] Đối với Trần Văn H, Vũ Thị T là kế toán của Công ty T: Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị H đã giao cho Trần Văn H, Vũ Thị T các hóa đơn mua dầu không của Công ty để họ thực hiện kê khai thuế cho Công ty. Tuy nhiên cả Trần Văn H, Vũ Thị T đều không biết những hóa đơn này là hóa đơn bất hợp pháp, không biết gì về việc mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị H. Do đó, không có căn cứ xác định Trần Văn H, Vũ Thị T liên quan trong vụ án.

[47] Đối với Nguyễn Mạnh C, Trần Văn S là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 11: Năm 2022 Phạm Nhật T đã sử dụng tài khoản EGAS của Nguyễn Mạnh C, Trần Văn S để xuất không hóa đơn cho Công ty T. Tuy nhiên, Phạm Nhật T không cho hai người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Nguyễn Mạnh C, Trần Văn S liên quan trong vụ án.

[48] Đối với Ngô Văn T, Bùi Quang H, Triệu Văn T là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 15: Năm 2022 Lê Văn A đã sử dụng tài khoản EGAS của Ngô Văn T, Bùi Quang H, Triệu Văn T xuất không hóa đơn cho Công ty T. Tuy nhiên, Lê Văn A không cho ba người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Ngô Văn T, Bùi Quang H, Triệu Văn T liên quan trong vụ án.

[49] Đối với Hà Huyền L, Lành Quốc H là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 24: Bị cáo Chu Tiến K đã sử dụng tài khoản EGAS của Hà Huyền L, Lành Quốc H để xuất không hóa đơn cho Công ty T. Tuy nhiên, Chu Tiến K không cho hai người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Hà Huyền L, Lành Quốc H liên quan trong vụ án.

[50] Đối với Lương Thị C, Lương Thị L là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 17: Bị cáo Hứa Hiền L đã sử dụng tài khoản EGAS của Lương Thị C, Lương Thị L để xuất không hóa đơn cho Công ty T. Tuy nhiên, Hứa Hiền L không cho hai người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Lương Thị C, Lương Thị L liên quan trong vụ án.

[51] Đối với Đặng Thanh B là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 16: Bị cáo Nông Đức T đã dùng tài khoản EGAS của Đặng Thanh B để xuất 20 hóa đơn không. Tuy nhiên, Nông Đức T không cho Đặng Thanh B biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Đặng Thanh B liên quan trong vụ án.

[52] Đối với Trần Thu H, Triệu Văn C là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 19: Bị cáo Chu Minh H đã sử dụng tài khoản EGAS của Trần Thu H, Triệu Văn C xuất không hóa đơn. Tuy nhiên, Chu Minh H không cho hai người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Trần Thu H, Triệu Văn C liên quan trong vụ án.

[53] Đối với Hoàng Thị Kim T, Chu Thị Minh H là nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 14: Bị cáo Nông Ngọc K đã sử dụng tài khoản EGAS của Hoàng Thị Kim T, Chu Thị Minh H xuất không hóa đơn. Tuy nhiên, Nông Ngọc K không cho hai người này biết việc này. Do đó, không có căn cứ xác định Hoàng Thị Kim T, Chu Thị Minh H liên quan trong vụ án.

[54] Đối với những người lái xe khách đã chuyển hóa đơn từ các Trưởng Cửa hàng xăng dầu cho Nông Ngọc K, những người lái xe khách đã chuyển hóa đơn và tiền mua hóa đơn giữa Chu Minh H và Trần Thị H: Các bị cáo đều khai không rõ thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ, số điện thoại của những người lái xe này nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

[55] Đối với 62 hóa đơn các bị cáo đã xuất khống cho Công ty T trong tháng 12-2022 nhưng chưa chuyển cho Nguyễn Thị H: Quá trình điều tra xác định các hóa đơn này đều là hóa đơn khống, không có việc mua dầu trên thực tế, việc các bị cáo chưa chuyển các hóa đơn này cho Nguyễn Thị H là do cuối tháng 12-2022 Công an tỉnh Lạng Sơn đã triệu tập làm việc với một số Trưởng Cửa hàng xăng dầu và đã phát hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị H cũng chưa kê khai thuế đối với 62 hóa đơn trên.

[56] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thấy rằng: Đối với Công ty T thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nguyễn Thị H là chủ sở hữu công ty, cần truy thu của Công ty T số tiền trốn thuế là 1.542.157.899đồng. Xác nhận người đại diện của Công ty T đã nộp tổng cộng 850.000.000đồng. Sau khi khấu trừ Công ty T còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu. Đối với số tiền 11 bị cáo gồm Trần Thị H, Nông Ngọc K, Chu Minh H, Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cần truy thu toàn bộ tiền thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước; xác nhận 11 bị cáo đã nộp đủ.

[57] Đối với tài sản của Công ty T: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Giang xác minh Công ty T không sở hữu bất động sản. Đối với tài sản của Công ty T gồm các phương tiện vận tải đã được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V, Chi nhánh Bắc Giang, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần V, Chi nhánh Bắc Giang thông báo, phối hợp khi xử lý những tài sản thế chấp này.

[58] Để đảm bảo cho công tác điều tra, ngày 07-8-2023 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện phong tỏa tài khoản 47726468 hiện đang có số tiền 2.062.376đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần V, Chi nhánh Bắc Giang của Công ty T. Xét thấy, do Công ty T tiếp tục bị truy thu số tiền trốn thuế và số tiền phạt nên cần tiếp tục duy trì Quyết định phong tỏa tài khoản của pháp nhân để đảm bảo thi hành án.

[59] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thấy rằng: Đối với các căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của Nguyễn Duy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Chu Tiến K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bà Nguyễn Thị N; xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các chủ sở hữu. Đối với các điện thoại di động còn lại qua lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và

tại cơ quan điều tra xác định các bị cáo có sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[60] Các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty T bị kết án nên các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[61] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[62] Các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty T, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 200, điểm b, đ khoản 1, khoản 2 Điều 84, Điều 77, Điều 83 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thị H;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Ngọc K;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Chu Minh H, Phạm Nhật T;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bé Trần H;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Đức T;

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Thi Xuân H;

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Văn A, Hứa Hiền L, Chu Tiến K, Hà Văn L;

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H;

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hầu Quang T;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Trọng H;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phạm tội Trốn thuế.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Trốn thuế.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Nông Ngọc K, Chu Minh H, Bé Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Hứa Hiền L, Nông Đức T, Hầu Quang T, Đỗ Thị H, Đặng Văn T, Hoàng Trọng H, Hoàng Văn Q phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

2. Về hình phạt

2.1. Phạt tiền pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng).

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 21 (hai mươi một) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Phạt tiền bị cáo Trần Thị H số tiền 420.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Thị H đã nộp đủ số tiền 420.000.000đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006026 ngày 22-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.4. Phạt tiền bị cáo Nông Ngọc K số tiền 400.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nông Ngọc K đã nộp số tiền 380.000.000đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006023 ngày 21-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, bị cáo Nông Ngọc K còn phải nộp tiếp số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

2.5. Phạt tiền bị cáo Chu Minh H số tiền 280.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Minh H đã nộp số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006027 ngày 22-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, bị cáo Chu Minh H còn phải nộp tiếp số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

2.6. Phạt tiền bị cáo Bé Trần H số tiền 260.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Bé Trần H đã nộp số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số: 39490105444100000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn thể hiện tại Ủy nhiệm chi lập ngày 10-01-2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Chi nhánh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, bị cáo Bé Trần H còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

2.7. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Duy T số tiền 250.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Duy T đã nộp đủ số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006028 ngày 22-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.8. Phạt tiền bị cáo Phạm Nhật T số tiền 250.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Phạm Nhật T đã nộp số tiền 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006024 ngày 21-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, bị cáo Phạm Nhật T còn phải nộp tiếp số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

2.9. Phạt tiền bị cáo Nông Đức T số tiền 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nông Đức T đã nộp số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006025 ngày 22-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, bị cáo Nông Đức T còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

2.10. Xử phạt bị cáo Hà Văn L 27 (hai mươi bảy) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (năm mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Hà Văn L số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.11. Xử phạt bị cáo Lê Văn A 22 (hai mươi hai) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 44 (bốn mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Lê Văn A số tiền 15.000.000đồng (mười năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.12. Xử phạt bị cáo Chu Tiến K 21 (hai mươi một) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Chu Tiến K số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.13. Xử phạt bị cáo Thi Xuân H 18 (mười tám) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Thi Xuân H số tiền 15.000.000đồng (mười năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.14. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 18 (mười tám) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn N số tiền 15.000.000đồng (mười năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.15. Xử phạt bị cáo Hứa Hiền L 18 (mười tám) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Hứa Hiền L số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.16. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị H 14 (mười bốn) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Đỗ Thị H số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.17. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 14 (mười bốn) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Đặng Văn T số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.18. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 14 (mười bốn) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn Q số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.19. Xử phạt bị cáo Hầu Quang T 12 (mười hai) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10-01-2024.

Phạt tiền bị cáo Hầu Quang T số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Hà Văn L, Hoàng Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Thi Xuân H, Lê Văn A, Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Chu Tiến K cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hứa Hiền L cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hầu Quang T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2.20. Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Hoàng Trọng H. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Hoàng Trọng H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về biện pháp tư pháp

3.1. Truy thu của pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 1.542.157.899đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã nộp tổng số tiền 850.000.000đồng, bao gồm: Số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006012 ngày 22-11-2023 của Cục T tỉnh Lạng Sơn; số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006011 ngày 22-11-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; số tiền 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006030 ngày 27-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T còn phải nộp tiếp số tiền 692.157.899đồng (sáu trăm chín mươi hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

3.2. Truy thu của bị cáo Trần Thị H số tiền 20.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Thị H đã nộp đủ số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000698 ngày 18-8-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Truy thu của bị cáo Nông Ngọc K số tiền 84.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nông Ngọc K đã nộp đủ số tiền 84.000.000đồng (tám mươi tư triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000665 ngày 27-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.4. Truy thu của bị cáo Chu Minh H số tiền 20.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Minh H đã nộp đủ số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000672 ngày 04-7-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.5. Truy thu của bị cáo Bế Trần H số tiền 45.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Bế Trần H đã nộp đủ số tiền 45.000.000đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000669 ngày 28-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.6. Truy thu của bị cáo Nguyễn Duy T số tiền 20.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Duy T đã nộp đủ số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000670 ngày 29-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.7. Truy thu của bị cáo Thi Xuân H số tiền 10.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Thi Xuân H đã nộp đủ số tiền

10.000.000đồng (mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000664 ngày 26-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.8. Truy thu của bị cáo Phạm Nhật T số tiền 9.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Phạm Nhật T đã nộp đủ số tiền 9.000.000đồng (chín triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000666 ngày 27-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.9. Truy thu của bị cáo Hà Văn L số tiền 64.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Hà Văn L đã nộp đủ số tiền 64.000.000đồng (sáu mươi tư triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000667 ngày 27-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.10. Truy thu của bị cáo Lê Văn A số tiền 32.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Lê Văn A đã nộp đủ số tiền 32.000.000đồng (ba mươi hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000668 ngày 28-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.11. Truy thu của bị cáo Chu Tiến K số tiền 40.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Tiến K đã nộp đủ số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000673 ngày 05-7-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.12. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn N số tiền 6.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Hoàng Văn N đã nộp đủ số tiền 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000663 ngày 26-6-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng

4.1. Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 353151335127837/01, IMEI2: 354386515127830/01, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1110 màu đen đã qua sử dụng, số seri1: 357710103684620, số seri2: 357710105684628.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng; số IMEI1: 355045115962017/01; số IMEI2: 355046115962015/01.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng đã qua sử dụng, số IMEI1: 352224776973067, số IMEI2: 352224776776569, bên trong có 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY màu đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 355331090070749/01, số IMEI2: 355332090070747/01.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen xám đã qua sử dụng, số IMEI1: 355870668107060/01, số IMEI2: 357848358107069/01.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 356678087273952, bên trong lắp 01 sim Viettel, tại thời điểm giao nhận máy bị phòng pin nên không kiểm tra được số IMEI trong thân máy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 351162960624164/01, IMEI2: 351533630624166/01, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, số IMEI: 354829099691929, máy cũ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số SERI1: 35891380660348; số SERI2: 35891380660355.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, số seri: 352721044549140, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 355076049308977, số IMEI2: 355076049808976 bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu hồng, đã qua sử dụng, số IMEI1: 357268096175049, IMEI2: 357268096338910, bên trong có gắn 01 thẻ sim.

4.2. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng xám đã qua sử dụng, số IMEI1: 863980046325394, số IMEI2: 863980046325386.

4.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1:358292243886695, IMEI2: 358292243511087.

4.4. Trả lại cho bị cáo Chu Tiến K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 868311057465512, số IMEI2: 868311057465504, bên trong lắp 01 sim Viettel.

4.5. Trả lại cho bị cáo Nông Đức T 01 (một) căn cước công dân số 020093006228 mang tên Nông Đức T, cấp ngày 08-5-2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH Bộ Công an.

4.6. Trả lại cho bị cáo Hứa Hiền L 01 (một) căn cước công dân số 020090011369 mang tên Hứa Hiền L, cấp ngày 24-6-2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH Bộ Công an.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27-10-2023).

5. Tiếp tục duy trì: Quyết định phong tỏa tài khoản của pháp nhân số: 02/QĐ-ANDT ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 2.062.376đồng trong tài khoản 47726468 tại Ngân

hàng thương mại cổ phần V, Chi nhánh Bắc Giang của pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị H, Nông Ngọc K, Chu Minh H, Bế Trần H, Nguyễn Duy T, Thi Xuân H, Phạm Nhật T, Hà Văn L, Lê Văn A, Chu Tiến K, Hoàng Văn N, Hứa Hiền L, Đặng Văn T, Hoàng Văn Q, Đỗ Thị H, Hầu Quang T, Nông Đức T, Hoàng Trọng H mỗi bị cáo và pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA 09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- CA tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người TGTT khác;
-;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa